

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST.
Ngày: 17/5/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Thiện.

2. Bà Y Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/HSST-QĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

A B, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2004, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A J, sinh năm 1963 và bà Y Y, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Y T, sinh năm 1974 và ông A N, sinh năm 1969.

Ông A N ủy quyền cho bà Y T tham gia giải quyết vụ việc theo giấy ủy quyền ngày 07/3/2024. Đều có mặt.

Cùng trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- Người làm chứng:

1. Ông A J; sinh năm 1963. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Anh Hà Văn K; sinh năm 2003. Có mặt.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 31/7/2023, A B đi bộ đến khu vực rẫy thuộc thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum với mục đích tìm kiếm xe mô tô để trộm cắp làm phương tiện đi lại. A B phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát: 82B1- 641.62 của vợ chồng bà Y T, ông A N đang dựng trước một chòi rẫy, A B đã lén lút lại gần xe mô tô và rút dây điện tại ổ khóa, sau đó nổ máy nhanh chóng điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về nhà tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Khi về tới nhà, A B tháo hết thân vỏ nhựa bảo vệ, chỉ giữ lại biển kiểm soát của xe rồi sử dụng xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Đến ngày 30/01/2024, anh Hà Văn K (là con rể của bà Y T) phát hiện A B đang sử dụng xe mô tô trên nên anh K đã về báo cho bà Y T. Sau đó, bà Y T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để trình báo về sự việc trên. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, A B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 82B1- 641.62 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 01/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, biển kiểm soát 82B1- 641.62 có giá trị: 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSDH, ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum; bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với bị cáo A B đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Trả lại cho bà Y T và ông A N 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, biển kiểm soát 82B1- 641.62; 01 yếm xe mô tô bên phải, màu trắng và 01 yếm xe mô tô bên trái, màu trắng. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tuốc nơ vít

dài 14 cm, đầu bốn cạnh, có chuôi bằng nhựa màu đen là công cụ của bị cáo A B sử dụng để tháo rời 02 (hai) cái yếm xe nói trên.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo A B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Y T và ông A N số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Tại phiên tòa bị cáo A B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 31/7/2023, tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; bị cáo A B đã lợi dụng đêm tối, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển kiểm soát 82B1- 641.62 của vợ chồng bà Y T và ông A N, tài sản có trị giá là 7.250.000 đồng. Hành vi nói trên của bị cáo A B đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án tương

xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo A B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Y T và ông A N số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

[7] *Về xử lý vật chứng:* Trả lại cho bà Y T và ông A N 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, biển kiểm soát 82B1- 641.62; 01 yếm xe mô tô bên phải, màu trắng và 01 yếm xe mô tô bên trái, màu trắng. Tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) tuốc nơ vít dài 14 cm, đầu bốn cạnh, có chuôi bằng nhựa màu đen là công cụ bị cáo A B sử dụng để tháo rời 02 (*hai*) cái yếm xe nói trên.

[8] Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc; bị cáo có đơn xin được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A B 07 (B1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Trả lại cho bà Y T và ông A N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, biển kiểm soát 82B1- 641.62, số máy: E3X9E-414096, số khung:

RLCUE3240JY149297; 01 yếm xe mô tô bên phải, màu trắng và 01 yếm xe mô tô bên trái, màu trắng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tuốc nơ vít dài 14cm, đầu 4 cạnh, có chuôi bằng nhựa màu đen.

(Các vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Bị cáo A B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Y T và ông A N số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực Pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà bên phải thi hành án chậm thi hành án đối với số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo A B được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Đăk Hà;
- Trại TGCA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Bị cáo và các đương sự;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến